

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2023

“V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Ngọc Hân

- Bà Đào Phương Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2023, về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con” - theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Chị Tạ Thị N***, sinh năm 1995

Hộ khẩu thường trú: Số 30 phố G, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội; hiện ở: Khu 6, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

**** Bị đơn: Anh Bùi Thế T***, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: Số 30 phố G, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị N và lời trình bày của chị N tại Tòa án như sau:***

Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Thế T tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức Lễ cưới vào tháng 8 năm 2014. Đến ngày 22/8/2014 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, chị và anh T thuê nhà ở tại Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống không hạnh phúc. Anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, mọi kinh tế trong gia đình đều do một mình chị đi làm để lo cho gia đình. Khoảng đầu năm 2018 anh T phải đi chấp hành án tại trại Giam Vĩnh Quang, Vĩnh Phúc về tội mua bán ma túy. Trong thời gian anh T đi thụ án, chị và con gái đi thuê nhà ở tại quận Long Biên. Đến năm 2020 anh T đi thụ án về, chị và anh T cũng không chung sống với nhau, anh T đi thuê nhà ở khu vực quận Hoàn Kiếm và nhiều nơi, anh T giấu không cho chị biết địa chỉ nên chị không biết địa chỉ của anh T hiện ở đâu. Vợ chồng sống ly thân đã lâu, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Thỉnh thoảng chị có đến nhà mẹ chồng ở Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội nhưng cũng không gặp được anh T.

Đến năm 2022 thì chị về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn H, xã H, tỉnh Phú Thọ từ đó cho đến nay. Thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ ở, để thuận tiện cho việc học tập của cháu Bùi Bích P nên chị đã gửi con cho mẹ chồng chăm sóc, mỗi khi chị qua thăm nom cháu P cũng không gặp được anh T, chị có liên hệ điện thoại nhưng anh T không nghe máy. Trước khi chị gửi đơn ra Tòa án quận Hoàn Kiếm xin ly hôn với anh T, chị cũng đã liên hệ nhiều lần với anh T để báo cho anh T biết việc chị gửi đơn ra Tòa xin ly hôn, nhưng anh T không hợp tác mà gây khó khăn cho chị trong việc giải quyết ly hôn.

Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có biện pháp để vợ chồng hòa giải đoàn tụ, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Thế T để ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên là Bùi Bích P, sinh ngày 19/6/2014.

Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu P, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

Động sản và bất động sản: Chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Chị và anh T không vay nợ ai, không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Bùi Thế T:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T, báo anh T đến Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T đều vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án.

Tại phiên tòa:

*** Nguyên đơn chị Tạ Thị N trình bày:**

Chị vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày tại Tòa án là xin được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên là Bùi Bích P, sinh ngày 19/6/2014, sau khi ly hôn, chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung gồm động sản và bất động sản chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vay nợ chung, chị và anh T không vay nợ ai, không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Bùi Thế T:** Đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Được nhận thông báo, quyết định và các văn bản do Tòa án giải quyết trong quá trình chuẩn bị xét xử theo đúng quy định, được quyền xem, sao chụp các tài liệu do Tòa án thu thập cũng như do các đương sự cung cấp, được quyền phát biểu, hỏi và tranh luận tại phiên tòa.

Đối với việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Tạ Thị N đối với bị đơn anh Bùi Thế T, cho chị N được ly hôn với anh T. Về con chung: Anh chị có một con chung là Bùi Bích P, sinh ngày 19/6/2014. Sau khi ly hôn, giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Bích P. Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xét.

Tài sản chung: Động sản và bất động sản anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Công nợ chung: Anh chị không vay nợ ai, không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền: Xét thấy, nguyên đơn chị Tạ Thị N khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm là nơi bị đơn anh Bùi Thế T đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 30 phố G, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội. Theo kết quả xác minh ngày 12/01/2023 của Công an phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xác định anh Bùi Thế T có đăng ký hộ khẩu tại 30 phố G nhưng hiện nay anh T không ăn ở, sinh hoạt tại địa chỉ trên, theo gia đình anh T cung cấp anh T đi làm ăn,

thình thoảng có liên lạc về hỏi thăm con nhưng không nói cụ thể hiện đang ở đâu. Đến nay, anh T ở đâu không rõ mà không thông báo nơi cư trú mới cho nguyên đơn và cơ quan, người có thẩm quyền là thuộc trường hợp “cố tình giấu địa chỉ” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 “*trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung*” và xác định địa chỉ cuối cùng của bị đơn anh Bùi Thế T tại số 30 G, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

1.2 Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp về ly hôn là một trong các tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy báo, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Bùi Thế T. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị N xin ly hôn với bị đơn anh Bùi Thế T:

2.1 Quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị N và anh Bùi Thế T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, và có đăng ký kết hôn ngày 18/03/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị Hiền cho thấy: Quá trình chung sống, vợ chồng chị hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và cuộc sống gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống không hạnh phúc. Anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, mọi kinh tế trong gia đình đều do một mình chị đi làm để lo cho gia đình. Khoảng đầu năm 2018 anh T phải đi chấp hành án tại trại Giam Vĩnh Quang, Vĩnh Phúc về tội mua bán ma túy. Trong thời gian anh T đi thụ án, chị và con gái đi thuê nhà ở tại quận Long Biên. Đến năm 2020 anh T đi thụ án về, chị và anh T cũng không chung sống với nhau, anh T đi thuê nhà ở khu vực quận Hoàn Kiếm và nhiều nơi, anh T giấu không cho chị biết địa chỉ nên chị không biết địa chỉ của anh T hiện ở

đau. Vợ chồng sống ly thân đã lâu, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Thỉnh thoảng chị có đến nhà mẹ chồng ở Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, Hà Nội nhưng cũng không gặp được anh T.

Đến năm 2022 thì chị về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn H, xã H, tỉnh Phú Thọ từ đó cho đến nay. Thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ ở, để thuận tiện cho việc học tập của cháu Bùi Bích P nên chị đã gửi con cho mẹ chồng chăm sóc, mỗi khi chị qua thăm nom cháu P cũng không gặp được anh T, chị có liên hệ điện thoại nhưng anh T không nghe máy. Trước khi chị gửi đơn ra Tòa án quận Hoàn Kiếm xin ly hôn với anh T, chị cũng đã liên hệ nhiều lần với anh T để báo cho anh T biết việc chị gửi đơn ra Tòa xin ly hôn, nhưng anh T không hợp tác mà gây khó khăn cho chị trong việc giải quyết ly hôn.

Về phía anh T, Toà án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, Thông báo thụ lý vụ án, Giấy báo, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T, báo anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T không đến Toà án và không có ý kiến gì về việc chị N xin ly hôn anh T.

Ngoài lời khai của chị N; Tòa án đã xác minh gia đình và địa phương thể hiện chị N và anh T có xảy ra mâu thuẫn, anh chị sống ly thân đã lâu.

Xét, mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã kéo dài. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Chị N xin ly hôn, Tòa án đã báo cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để hòa giải. Điều đó thể hiện anh T bỏ mặc, không có ý thức hàn gắn đời sống vợ chồng. Cuộc sống chung của anh chị thực sự không còn tồn tại, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc nhưng không đạt được. Nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi bên.

Hội đồng xét xử thấy khả năng đoàn tụ của chị N và anh T không còn nên cần chấp nhận Đơn xin ly hôn của chị N đối với anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[3]. Về con chung: Anh chị có một con chung là Bùi Bích P, sinh ngày 19/6/2014.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con là hoàn toàn chính đáng của người làm cha làm mẹ, nhưng việc giao con cho ai nuôi là phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con.

Thực tế hiện nay cháu P đang ở với bà nội tại Hoàng Mai, Hà Nội và vẫn có nguyện vọng tiếp tục được ở cùng bà. Tuy nhiên, Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn như sau: “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Như vậy, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thuộc về cha, mẹ, Toà án chỉ giao con chung cho một bên cha hoặc mẹ. Anh T đi làm ăn xa, không thường xuyên ở nhà, không có điều kiện nuôi

dưỡng, chăm sóc cháu P. Do đó, giao cháu P cho chị N nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là sự tự nguyện của chị N không trái pháp luật và phù hợp với Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung:

Động sản và bất động sản: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[5]. Về công nợ chung: Chị N xác nhận chị và anh T không vay nợ ai, không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[6]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 28; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị N đối với anh Bùi Thế T.

Quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị N được ly hôn anh Bùi Thế T.

2. **Về con chung:** Chị N và anh T có một con chung tên là Bùi Bích P, sinh ngày 19/6/2014.

Sau khi ly hôn, giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Bích P kể từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

+ **Động sản:** Chị N khai chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

+ **Bất động sản:** Chị N khai chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

4. **Vay nợ chung:** Chị N khai vợ chồng chị không vay nợ ai, không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

5. Án phí: Chị Tạ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp - theo Biên lai số 0052127 ngày 08/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Tạ Thị N, vắng mặt bị đơn anh Bùi Thế T. Tòa án báo chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị đơn anh Bùi Thế T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDQ Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự Q. Hoàn Kiếm;
- UBND P.Đông Xuân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hiền Hòa